

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khả Hòa và ông Lê Đình Hưng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh HP.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn I, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Văn B trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2008.

Trong thời gian chung sống, giữa chị P và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, anh B thường rượu chè say xỉn, đánh đập chị P. Vì thương con chị P đã nhẫn nhịn nhiều

lần nhưng anh B càng ngày càng quá đáng hơn, không thể chịu đựng được sự đánh đập của anh B nên chị P bỏ nhà đi từ năm 2017, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hòa giải nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị P và anh B có 03 con chung tên:

- Trịnh Thị Hồng Bích, sinh ngày 26/5/2009
- Trịnh Xuân Hùng, sinh ngày 05/8/2011
- Trịnh Xuân Hiền, sinh ngày 29/8/2013

Các con hiện đang sống cùng anh B, chị P đề nghị Tòa án giao cả 03 cháu cho anh B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được.

Đối với việc anh B yêu cầu chị P hoàn trả chi phí nuôi con với mức 1.000.000 đồng/con/tháng, tính từ tháng 10/2019 đến hết tháng 12/2023, tổng cộng 153.000.000 đồng thì chị P nhất trí với yêu cầu của anh B. Tuy nhiên, hiện nay chị đang đi làm thuê, khả năng kinh tế khó khăn, chị không thể hoàn trả ngay một lần đủ số tiền 153.000.000 đồng. Chị P sẽ trả cho anh B mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 153.000.000 đồng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01/2024 cho đến khi các con đã thành niên và tự lập được thì chị P yêu cầu không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**\* Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Trịnh Văn B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn B và chị Nguyễn Thị P trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2008.

Trong thời gian chung sống, giữa anh B và chị P không xảy ra mâu thuẫn gì. Do chị P đi làm công nhân từ năm 2019, sau đó có tình cảm với người đàn ông khác và đã có con. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau, chị P xin ly hôn, anh B nhất trí.

Về con chung: Anh B và chị P có 03 con chung tên:

- Trịnh Thị Hồng Bích, sinh ngày 26/5/2009
- Trịnh Xuân Hùng, sinh ngày 05/8/2011
- Trịnh Xuân Hiền, sinh ngày 29/8/2013

Các con hiện đang sống cùng anh B, anh B có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được.

Anh B yêu cầu chị P hoàn trả chi phí nuôi con với mức 1.000.000 đồng/con/tháng, tính từ tháng 10/2019 đến hết tháng 12/2023, tổng cộng 153.000.000 đồng. Anh B yêu cầu chị P phải trả ngay 1 lần đủ số tiền 153.000.000 đồng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01/2024 cho đến khi các con đã thành niên và tự lập được thì anh B không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Văn B là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì giữa chị P và anh B phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị P không còn tình cảm với anh B, không còn mong muốn chung sống cùng anh B nữa. Anh B cũng nhất trí ly hôn với chị P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh B đều nhất trí giao cả 03 con chung là cháu Trịnh Thị Hồng Bích, sinh ngày 26/5/2009; Trịnh Xuân Hùng, sinh ngày 05/8/2011 và Trịnh Xuân Hiền, sinh ngày 29/8/2013 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B yêu cầu chị P hoàn trả chi phí nuôi con mức 1.000.000 đồng/con/tháng, thời gian từ tháng 10/2019 đến hết tháng 12/2023. Tổng cộng 153.000.000 đồng và phải hoàn trả ngay 01 lần. Chị P nhất trí hoàn trả chi phí nuôi con theo yêu cầu của anh B là 153.000.000 đồng nhưng chị P yêu cầu trả hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Xét thấy, chị P đi làm ăn xa từ tháng 10/2019 đến nay, một mình anh B phải chăm sóc, nuôi dưỡng và chi trả các khoản chi phí nuôi con. Vì vậy, cần buộc chị P phải hoàn trả lại cho anh B số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng mà anh B đã bỏ ra nuôi con tính từ tháng 10/2019 cho đến tháng 12/2023 như sau: 51 tháng x 1.000.000 đồng/tháng x 03 con = 153.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Trịnh Văn B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Văn B trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị P và anh B là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với anh B, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B. Anh B cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau và nhất trí ly hôn với chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị P và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Văn B đều thừa nhận có 03 con chung tên là: Trịnh Thị Hồng Bích, sinh ngày 26/5/2009; Trịnh Xuân Hùng, sinh ngày 05/8/2011 và Trịnh Xuân Hiền, sinh ngày 29/8/2013.

Anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Trịnh Thị Hồng Bích, Trịnh Xuân Hùng và Trịnh Xuân Hiền. Lời khai của chị P trong hồ sơ vụ án cũng nhất trí giao 03 cháu Bích, Hùng và Hiền cho anh B nuôi dưỡng. Hiện nay, chị P đi làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc con, anh B có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện các con, cả 03 cháu Bích, Hùng và Hiền đều có nguyện vọng được sống cùng anh B. Tại phiên tòa, chị P vắng mặt không có ý kiến gì thêm về con chung. Do đó, cần giao cả 03 cháu Trịnh Thị Hồng Bích, Trịnh Xuân Hùng và Trịnh Xuân Hiền cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh B yêu cầu chị P hoàn trả chi phí nuôi con với mức 1.000.000 đồng/con/tháng, tính từ tháng 10/2019 đến hết tháng 12/2023, tổng cộng

153.000.000 đồng. Anh B yêu cầu chị P phải trả ngay 1 lần đủ số tiền 153.000.000 đồng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01/2024 cho đến khi các con đã thành niên và tự lập được thì anh B không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Lời khai của chị P trong hồ sơ vụ án cũng đồng ý với yêu cầu của anh B là hoàn trả chi phí nuôi con từ tháng 10/2019 đến hết tháng 12/2023 với số tiền 153.000.000 đồng, nhưng hiện nay chị đang đi làm thuê, khả năng kinh tế khó khăn, chị không thể hoàn trả một lần. Chị P yêu cầu được trả hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 153.000.000 đồng.

Xét theo quy định tại Điều 82, 83; khoản 2 Điều 3, Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 281 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi người con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Chị P và anh B đều thừa nhận, chị P đi làm ăn xa từ tháng 10/2019 đến nay, một mình anh B phải chăm sóc, nuôi dưỡng và chi trả các khoản chi phí nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị P đồng ý hoàn trả chi phí nuôi con cho anh B từ tháng 10/2019 đến tháng hết 12/2023 với số tiền là 153.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc chị P phải hoàn trả lại cho anh B số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng mà anh B đã bỏ ra nuôi con tính từ tháng 10/2019 cho đến tháng hết 12/2023 như sau: 51 tháng x 1.000.000 đồng/tháng x 03 con = 153.000.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu đồng) là phù hợp với tinh thần của Án lệ 62/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023 và được công bố theo Quyết định 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Anh B không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01/2024 cho đến khi các con thành niên và tự lập được. Tại phiên tòa, chị P vắng mặt, không có ý kiến gì khác về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trịnh Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Hồng Bích, sinh ngày 26/5/2009; Trịnh Xuân Hùng, sinh ngày 05/8/2011 và Trịnh Xuân Hiền, sinh ngày 29/8/2013 cho anh Trịnh Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải hoàn trả tiền nuôi 03 con chung từ tháng 10/2019 đến hết tháng 12/2023 cho anh Trịnh Văn B là: 153.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu đồng).

*Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Chị Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 01/2024 và khi các cháu chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ nhà

nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chi P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007656, ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chi P còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/4/2024, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đặng Anh Việt**